

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 7 - 2019

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Phương;

Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST – HNGĐ, ngày 12/6/2019 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Thông báo xét xử vụ án số 49/2019/TB - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Q, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh Nam Định; “Chị Qu còn đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Trịnh Công T (tên gọi khác là Trịnh Nhật T) sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- Người làm chứng: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm 8, xã Xu, huyện X, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trịnh Công T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 06/4/2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mặt khác anh T chơi bời mắc vào tệ nạn xã hội, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình động viên khuyên giải nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ không còn hạnh phúc nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trịnh Công T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Trịnh Kim Thành L, sinh ngày 10/7/2004 và Trịnh Kim Xuân N, sinh ngày 14/11/2006; hiện hai con đang ở cùng chị. Chị xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Công T đã được Tòa án nhân dân huyện X tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo gọi đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q.

Kết quả làm việc với bà Đinh Thị Đ là mẹ đẻ của anh Trịnh Công T, bà Đinh Thị Đ trình bày: Chị Đinh Thị Q và anh Trịnh Công T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn là do anh T bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường tệ nạn xã hội, vợ chồng sống với nhau không có sự chia sẻ nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay không ai quan tâm đến ai. Khi Tòa án có văn bản tố tụng gửi cho anh T, bà đã thông báo cho anh T biết, anh T đang đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh nên không về Tòa án để làm việc được và anh có nhờ bà trình bày với Tòa án là vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Q. Về con chung; vợ chồng anh Tr và chị Q có hai con chung như chị Q trình bày là đúng. Khi ly hôn anh T nhất trí để cho chị Q nuôi cả hai con, nếu chị Q không nuôi được thì anh nhận nuôi. Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân T: Chị Đinh Thị Q và anh Trịnh Công T có đăng ký kết hôn hợp pháp, diễn biến cuộc sống chung, con chung, tài sản như chị Q trình bày là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Q đối với anh Trịnh Công T. Về con chung: Vợ chồng có hai con tên là Trịnh Kim Thành L, sinh ngày 10/7/2004 và Trịnh Kim Xuân N, sinh ngày 14/11/2006; hiện hai con đang ở với chị Q. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Trịnh Kim Thành L và Trịnh Kim Xuân N; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không được cản trở. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Q chấp hành đúng theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trịnh Công T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Q và anh Trịnh Công T là hợp pháp, được xác lập từ ngày 06/4/2001. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mặt khác do anh T mắc vào tệ nạn xã hội, vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị Q xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án thông báo nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc mà thông qua bà Đinh Thị Đ là mẹ đẻ nói về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng là nhất trí ly hôn với chị Q. Như vậy, chị Q và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Q đối với anh Trịnh Công T cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Q và anh Trịnh Công có 2 con chung tên là Trịnh Kim Thành L, sinh ngày 10/7/2004 và Trịnh Kim Xuân N, sinh ngày 14/11/2006. Xét thấy, hai con chung đang ở cùng với chị Q, cũng như nguyện vọng của hai con là xin được ở với chị Q, ý kiến của T

thông qua bà Đây là nhất trí để cho chị Q được nuôi cả hai con nên căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị Q tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không được cản trở là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Q và anh Trịnh Công T(Trịnh Nhật T).

2. Về nuôi dưỡng con chung chưa thành niên: Giao cho chị Đinh Thị Q tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Kim Thành L, sinh ngày 10/7/2004 và Trịnh Kim Xuân N, sinh ngày 14/11/2006; ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh Trịnh Công T phải cấp dưỡng nuôi con; anh Truật có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001547 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, chị Đinh Thị Q đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Phương Nguyễn Thị Thu Phương

Phạm Ngọc Long